

BẢNG ÂM VẦN theo chương trình GDCN và cách đánh vần mẫu

Nhằm giúp các bậc phụ huynh có thể cùng con học đánh vần ở nhà, VnDoc sưu tầm và tổng hợp cách đánh vần theo chương trình CNG để quý phụ huynh tham khảo.

Quy luật đánh vần: đánh vần từ âm vị nhỏ nhất

BẢNG ÂM VẦN**THEO CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC**

a, ă, â, b, ch, e, ê, g, h, i, kh, l, m, n, ng, ngh, nh, o, ô, ơ, ph, s, t, th, u, ư, v, x, y

Riêng các âm: gi; r; d đều đọc là “dờ” nhưng cách phát âm khác nhau.

c; k; q đều đọc là “cờ”

Vần	Cách đọc	Vần	Cách đọc
gi	gi – gi huyền gi	uôm	uôm – ua – m - uôm
iê, yê, ya	đều đọc là ia	uôt	uôt – ua – t - uôt
uô	đọc là ua	uôc	uôc – ua – c - uôc
ươ	đọc là ưa	uông	uông – ua – ng - uông
iêu	iêu – ia – u – iêu	ươi	ươi – ưa – i -ươi
yêu	yêu – ia – u – yêu	ươn	ươn – ưa – n - ươn
iên	iên – ia – n - iên	ương	ương - ưa – ng - ương
yên	yên – ia – n – yên	uôm	uôm – ưa – m - uôm
iêt	iêt – ia – t – iêt	uôc	uôc – ưa – c – uôc
iêc	iêc – ia – c – iêc	uôp	uôp – ưa – p - uôp



iêp	iêp – ia – p – iêp	oai	oai – o- ai- oai
yêm	yêm – ia – m – yêm	oay	oay – o – ay - oay
iêng	iêng – ia – ng - iêng	oan	oan – o – an - oan
uôi	uôi – ua – i – uôi	oăn	oăn – o – ăn - oăn
uôn	uôn – ua – n – uôn	oang	oang – o – ang - oang
uyên	uyên – u – yên - uyên	oăng	oăng – o – ăng - oăng
uych	uych – u – ych - uych	oanh	oanh – o – anh - oanh
uynh	uynh – u – ynh – uynh	oach	oach – o – ach - oach
uyêt	uyêt - u – yêt – uyêt	oat	oat - o – at - oat
uya	uya – u – ya – uya	oăt	oăt – o – ăt – oăt
uyt	uyt – u – yt – uyt	uân	uân – u – ân – uân
oi	oi – o – i - oi	uât	uât – u – ât – uât

Các

âm:

oi ai ôi ơi ui uri ay ây eo ao
 au âu iu êu uru on an ăn ân ơn
 un ôn in un om am ăm âm ôm ơm
 êm em im um ot at ăt ât ôt ơt
 et êt ut ut it (Vẫn phá tâm như cũ)

...VÀ MỘT SỐ TIẾNG ĐỌC KHÁC “LUẬT XƯA”

Tiếng	Cách đọc	Ghi chú
dờ	dờ - dờ - ơ - dờ	Đọc nhẹ
giờ	giờ - giờ - ơ - giờ	Đọc nặng hơn 1 chút
giờ	giờ - giờ - huyền - giờ	
rờ	rờ - rờ - ô - rờ	Đọc rung lưỡi
kinh	cờ - inh - kinh	Luật CT: âm “cờ” đứng trước i viết bằng chữ “ca”
quynh	quynh - cờ - uynh - quynh	Luật CT: âm “cờ” đứng trước âm đệm phải viết bằng chữ “cu” và âm đệm viết bằng chữ u.
qua	qua - cờ - oa - qua	Luật CT: (như trên)

Lưu ý: Trên đây là tên âm để dạy HS lớp 1, còn khi đọc tên của 29 chữ cái thì vẫn đọc như cũ nhé.

Chữ cái	Tên chữ cái	Chữ cái	Tên chữ cái
a	a	n	en - nờ
ă	à	o	ô
á	ớ	ơ	ơ
b	bê	p	pê
c	xê	q	quy
d	dê	r	e - rờ
đ	đê	s	ét - si
e	e	t	tê
ê	ê	u	u
g	giê	ư	ư
h	hát	v	vê
i	i	x	ích - xi
k	ca	y	y dài
l	e - lờ		
m	em - mờ		

Trang 11

Tiếng	Cách đọc	Ghi chú
Dờ	Dờ - ơ - dờ	
Giờ	Giờ - ơ - giờ	Đọc là “dờ” nhưng có tiếng gió.
Giờ	Giờ - huyền - giờ	Đọc là “dờ” nhưng có

		tiếng gió.
Rô	Rờ - ô - rô	
Kinh	Cờ - inh - kinh	
Quynh	Cờ - uynh - quynh	
Qua	Cờ - oa - qua	
Quê	Cờ - uê - quê	
Quyết	Cờ - uyết - quyết Quyết - sắc quyết	
Bà	Bờ - a ba, Ba - huyền - bà	
Mướp	ư a - p - ươp mờ - ươp - mươp Mươp - sắc - mướp	(Nếu các con chưa biết đánh vần ươp thì mới phải đánh vần từ ư a - p - ươp)
Bướm	ư a - m - ươm bờ - ươm - bướm Bướm - sắc - bướm	
Bướng	bờ - ương - bướng Bướng - sắc - bướng	
Khoai	Khờ - oai - khoai	
Khoái	Khờ - oai - khoai Khoai - sắc - khoái	
Thuốc	Ua - cờ - uốc	

	thờ - uộc - thuộc Thuộc – sắc – thuốc	
Mười	Ưa – i – ươi- mờ - ươi - mười Mười - huyền - mười	
Buồm	Ua – mờ - uôm bờ - uôm - buôm Buôm – huyền – buồm.	
Buộc	Ua – cờ - uộc bờ - uộc - buộc Buộc – nặng – buộc	
Suốt	Ua – tờ - uôt – suốt Suốt – sắc – suốt	
Quần	U – ân – uân cờ - uân – quân Quân – huyền – quần.	
Tiệt	Ia – cờ - iêc tờ - iêc - tiêc Tiêc – nặng – tiêc.	
Thiếp	Ia – pờ - iêp thờ - iêp - thiếp Thiếp – nặng – thiếp	
Buôn	Ua – nờ - uôn – buôn	

	Buôn – huyền – buồn.	
Bưởi	Ưa – i – ươi – bưởi Bưởi – hỏi – bưởi.	
Chuối	Ua – i – uôi – chuối Chuôi – sắc – chuối.	
Chiêng	Ia – ngờ - iêng – chiêng Chiêng – huyền – chiêng.	
Giêng	Ia – ngờ - iêng – giêng Giêng – huyền – giêng	Đọc gi là “dờ” nhưng có tiếng gió
Huân	U – ân – uân – huân Huân – sắc – huân.	
Quất	o – ăt – oăt – cờ - oăt – quăt. Quăt – sắc – quăt	
Huỳnh	u – ynh – uynh – huynh huynh – huyền – huỳnh	
Xoăn	O – ăñ – oăñ – xoăn Xoăn – sắc – xoăn	
Thuyền	U – yên – uyên – thuyền Thuyền – huyền – thuyền.	
Quăng	O – ăñ – oăng – cờ - oăng – quăng.	

Chiếp	ia – p – iêp – chiêp Chiêm – sắc – chiếp	
Huych	u – ych – υχh – huych huych – nặng – huych.	
Xiếc	ia – c – iêc – xiêc xiêc – sắc – xiếc	

Đánh vần theo sách giáo khoa cải cách giáo dục:

1. Phân biệt tên gọi chữ cái và âm đọc chữ cái

Nhiều bạn nhầm lẫn giữa tên gọi chữ cái và âm đọc chữ cái.

PHỤ LỤC

BẢNG CHỮ CÁI
(Kiểu chữ in)

Thứ tự	Chữ cái		Tên chữ cái	Ghi âm	Thứ tự	Chữ cái		Tên chữ cái	Ghi âm
	In thường	In hoa				In thường	In hoa		
1	a	A	a	a	16	n	N	en-nờ	nờ
2	ă	Ă	á	á	17	o	O	o	o
3	â	Â	ớ	ớ	18	ô	Ô	ô	ô
4	b	B	bê	bờ	19	ơ	Ơ	ơ	ơ
5	c	C	xê	cờ	20	p	P	pê	pờ
6	d	D	dê	dờ	21	q	Q	cu	cờ
7	đ	Đ	đê	đờ	22	r	R	e-rờ	rờ
8	e	E	e	e	23	s	S	ét-sì	sờ
9	ê	Ê	ê	ê	24	t	T	tê	tờ
10	g	G	giê	gờ	25	u	U	u	u
11	h	H	hát	hờ	26	ư	Ư	ư	ư
12	i	I	i ngắn	i	27	v	V	vê	vờ
13	k	K	ca	cờ	28	x	X	ích-xì	xờ
14	l	L	e-lờ	lờ	29	y	Y	i dài	i
15	m	M	em-mờ	mờ					

120

Chẳng hạn: Chữ **b**, tên gọi là "**bê**", âm đọc là "**bờ**". Để nhớ và phân biệt tên gọi và âm đọc có thể dùng câu sau:

Chữ "**bê**" (**b**) em đọc là "bờ"

Chữ "**xê**" (**c**) em đọc là "cờ", chuẩn không?

Đặc biệt có 3 chữ cái c (xê), k (ca), q (quy) đều đọc là "cờ". Theo thầy Trần Mạnh Hưởng thì chữ q không gọi tên là "cu" nữa mà gọi tên là "quy".

Với các phụ âm, nguyên âm ghi bởi 2 - 3 chữ cái thì các bạn nhớ bảng sau:

**Các nguyên âm, phụ âm
ghi bằng 2, 3 chữ cái**

Chữ ghi âm	Đọc là	Chữ ghi âm	Đọc là
iê	i-ê	th	thờ
yê	i-ê	ph	phờ
uô	u-ô	gh	gờ
ươ	ư-ơ	ng	ngờ
ch	chờ	ngh	ngờ
kh	khờ	tr	trờ
nh	nhờ	gi	gờ

2. Đặc điểm ngữ âm và đặc điểm chữ viết của Tiếng Việt

Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, những đặc điểm loại hình này có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nội dung và phương pháp dạy học Học vắn.

Về ngữ âm, Tiếng Việt là ngôn ngữ có nhiều thanh điệu, các âm tiết được nói rời, viết rời, rất dễ nhận diện. Mặt khác, ranh giới âm tiết Tiếng Việt trùng với ranh giới hình vị, do vậy, hầu hết các âm tiết Tiếng Việt đều có nghĩa. Chính vì điều này, tiếng (có nghĩa) được chọn làm đơn vị cơ bản để dạy học sinh học đọc, viết trong phân môn Học vắn.

Với cách lựa chọn này, ngay từ bài học tiếng Việt đầu tiên, học sinh đã được tiếp cận với một tiếng tối giản, là nguyên liệu tạo nên các từ đơn và từ phức trong tiếng Việt, Cũng vì vậy, học sinh chỉ học ít tiếng nhưng lại biết được nhiều từ chứa những tiếng mà các em đã biết.

Về cấu tạo, âm tiết tiếng Việt là một tổ hợp âm thanh có tổ chức chặt chẽ, các yếu tố trong âm tiết kết hợp theo từng mức độ lỏng chặt khác nhau: phụ âm đầu, vần và thanh kết hợp lỏng, các bộ phận trong vần kết hợp với nhau một cách chặt chẽ. Vần có vai trò đặc biệt quan trọng trong âm tiết. Đây là cơ sở của cách đánh vần theo quy trình lập vần (a-mờ-am), sau đó ghép âm đầu với vần và thanh điệu để tạo thành tiếng (lờ-am-lam-huyền-làm).

3. Cách đánh vần 1 tiếng

Ta thấy 1 tiếng đầy đủ có 3 thành phần: âm đầu - vần - thanh, bắt buộc phải có: vần - thanh, có tiếng không có âm đầu.

Ghi nhớ

1. Mọi tiếng thường có ba bộ phận: Âm đầu, vần và thanh.
2. Tiếng nào cũng phải có vần và thanh. Có tiếng không có âm đầu.

Thí dụ 1. Tiếng **an** có vần "an" và thanh ngang, không có âm đầu. Đánh vần: a - nờ - an.

Thí dụ 2. Tiếng **ám** có vần "am" và thanh sắc, không có âm đầu. Đánh vần: a - mờ - am - sắc - ám.

Thí dụ 3. Tiếng **bầu** có âm đầu là "b", có vần "âu" và thanh huyền. Đánh vần: bờ - âu - bầu - huyền - bầu.

Thí dụ 4. Tiếng **nhiều** có âm đầu là "nh", có vần "iêu" và thanh ngã. Đánh vần: nhờ - iêu - nhiều - ngã - nhiều.

Tiếng	Âm đầu	Vần	Thanh
nhiều	nh	iêu	ngã

Chú ý: Vần đầy đủ có âm đệm, âm chính và âm cuối.

Thí dụ 5. Tiếng **Nguyễn** có âm đầu là "ng", có vần "uyên" và thanh ngã. Vần "uyên" có âm đệm là "u", âm chính là "yê", âm cuối là "n". Đánh vần "uyên"

là: u - i - ê - ò - uyên hoặc u - yê(ia) - ò - uyên. Đánh vần "Nguyễn" là: ò - uyên - nguyên - ã - nguyên.

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
M: Nguyễn	u	yê	n

Thí dụ 6. Tiếng **yêng**, không có âm đầu, có vần "yêng" và thanh hỏi. Vần "yêng" có âm chính "yê", âm cuối là "ng". Đánh vần: yêng - hỏi - yêng.

Thí dụ 7. Tiếng **bóng** có âm đầu là "b", vần là "ong" và thanh sắc. Đánh vần vần "ong": o - ò - ong. Đánh vần tiếng "bóng": bờ - ong - bong - sắc - bóng.

Thí dụ 8. Tiếng **nghiêng** có âm đầu là "ngh", có vần "iêng" và thanh ngang. Vần "iêng" có âm chính "iê" và âm cuối là "ng". Đánh vần tiếng nghiêng: ò - iêng - nghiêng. Đây là tiếng có nhiều chữ cái nhất của tiếng Việt.

Thí dụ 9. Với từ có 2 tiếng **Con cá**, ta đánh vần từng tiếng: cờ - on - con - cờ - a - ca - sắc - cá.



Thí dụ 10. Phân biệt đánh vần "**da**" (trong **da thịt**) và "**gia**" (trong **gia đình**).

"da": ò - a-da.

"gia" có âm hoàn toàn như "da" nhưng vì lợi ích chính tả được đánh vần là: gi (đọc là di)-a- gia.

Tham khảo thêm tài liệu tại đây:

<https://vndoc.com/hoc-van-lop-1>